

Bản án số: 96/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 28-11-2019
"V/v: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Quang Liêu và bà Lê Thị Thận
- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: ông An Bắc Lùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 229/2019/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019, về việc tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 335/2019/QĐST - HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn:* chị Trần Thị H; sinh năm 1977
Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.
- Bị đơn: anh Nguyễn Tri P; sinh năm 1978
Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.
*-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*Ngân hàng N.
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh P tự nguyện chung sống từ năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước ngày 28/6/2000. Chị và anh P chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp

trong cuộc sống hàng ngày, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không được mặn nồng, chị và anh P đã sống ly thân một thời gian. Sự việc diễn ra ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, rạn nứt, nay chị thấy không còn tình cảm với anh P, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: chị và anh P có 02 người con chung là Nguyễn Hoàng Q sinh ngày 16/6/1998 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 29/5/2002. Sau khi ly hôn thì chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng N. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Hoàng Q đã thành niên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng và nuôi dưỡng.

Về tài sản: Chị và anh P có tài sản chung là diện tích đất 300,5m² tại thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Đất có tứ ranh: một mặt giáp đất ông Sỹ, một mặt giáp đất ông Sâm, một mặt giáp quốc lộ 14, một mặt giáp đường liên thôn. Trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4. Đất đã có GCNQSDĐ do UBND huyện Bù Đăng cấp ngày 01/8/2014, thửa đất số 42, tờ bản đồ số 54. Trị giá tài sản khoảng 800.000.000đ. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản này với anh P, chị có nguyện vọng nhận tài sản 1/2 quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

Về nợ: Nợ ngân hàng N số tiền 200.000.000đ, chị có nguyện vọng chia đôi số nợ chung này với anh P.

Tại đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 07/11/2019 và cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung với anh P, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung với anh P là diện tích đất 300,5m² tại thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Đất có tứ ranh: một mặt giáp đất ông Sỹ, một mặt giáp đất ông Sâm, một mặt giáp quốc lộ 14, một mặt giáp đường liên thôn. Trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4. Đất đã có GCNQSDĐ do UBND huyện Bù Đăng cấp ngày 01/8/2014, thửa đất số 42, tờ bản đồ số 54. Hiện nay chị với anh P tự thỏa thuận, nếu sau này chị và anh P không tự thỏa thuận được về chia tài sản thì chị sẽ khởi kiện lại sau. Việc chị rút phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản với anh P là tự nguyện, kính mong Tòa án xem xét chấp nhận. Về nợ ngân hàng N thì hiện nay chị không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lời khai, bản cam kết, biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn Tri P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện chung sống từ năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước ngày 28/6/2000. Anh và chị H chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp trong cuộc sống hàng ngày, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, sự việc diễn ra ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt, anh có lỗi nhiều hơn trong cuộc sống vợ chồng, anh đã nhiều lần làm tổn thương cho chị H Tuy nhiên, hiện nay anh vẫn không muốn ly hôn với chị H, anh muốn đoàn tụ với chị H để cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy các con trưởng thành.

Về con chung: Anh và chị H có 02 người con chung là Nguyễn Hoàng Q sinh ngày 16/6/1998 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 29/5/2002. Giả sử Tòa án giải quyết cho anh với chị H ly hôn thì anh cũng đồng ý để cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay cháu N đang ở với chị H, anh có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Đối với cháu Nguyễn Hoàng Q đã thành niên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng và nuôi dưỡng.

Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Không yêu cầu giải quyết.

- *Tại biên bản xác minh, người đại diện ngân hàng N trình bày:* Vào ngày 11/9/2019, anh P chị H có ủy quyền cho con trai là Nguyễn Hoàng Q sinh ngày 16/6/1998 vay vốn tại ngân hàng N với số tiền 200.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 201901955 và có thế chấp tại ngân hàng 01 quyền sử dụng đất thửa số 42, tờ bản đồ số 54, diện tích 300,5m² tại thôn 2, xã Đ. Ý kiến của ngân hàng hiện nay yêu cầu anh Q, anh P, chị H phải có nghĩa vụ trả hết số nợ cho ngân hàng thì ông anh P chị H mới được phân chia tài sản này, ngân hàng không có yêu cầu độc lập gì và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- *Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước phát biểu:* Về thủ tục tố tụng: Không có ý kiến gì; Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh P. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 29/5/2002 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản: không yêu cầu nên không xem xét. Về nợ: Không yêu cầu nên không xem xét. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Đương sự nộp theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: chị Trần Thị H và anh Nguyễn Tri P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước ngày 28 tháng 6 năm 2000. Giữa chị H và anh P có đăng ký kết hôn hợp pháp. Hiện nay, chị H và anh P đều có nơi cư trú tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa chị H và anh P là tranh chấp về hôn nhân gia đình. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tri P:

Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Tri P tự nguyện chung sống vào năm 1997 và đăng ký kết hôn vào ngày ngày 28 tháng 6 năm 2000 tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian chung sống thì giữa chị H và anh P có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm sống, không có sự

hòa hợp trong cuộc sống hàng ngày. Từ đó vợ chồng thường xảy ra cãi vã, làm mất tình cảm vợ chồng. Anh chị đã sống ly thân một khoảng thời gian. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh P là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của người vợ, người chồng với nhau là không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh P.

[3]Về con chung: Chị H và anh P có 02 người con chung là Nguyễn Hoàng Q sinh ngày 16/6/1998 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 29/5/2002. Đối với cháu Nguyễn Hoàng Q đã thành niên các đương sự không đặt ra vấn đề cấp dưỡng và nuôi dưỡng nên không xem xét. Đối với cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 29/5/2002 thì sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Tại biên bản hòa giải anh P cũng đồng ý để cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay cháu N đang ở với chị H, anh có quyền qua lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Mặt khác tại biên bản lời khai cháu N cũng có nguyện vọng được ở với mẹ là chị H vì lý do từ khi cha mẹ cháu (tức chị H và anh P) sống ly thân từ năm 2016 đến nay thì chị H là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu. Do đó, xét thấy cần giao cháu N cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp.

[4]Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét.

[5]Về tài sản: Tại đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 07/11/2019 và cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung với anh P, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung với anh P là diện tích đất 300,5m² tại thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Đất có tứ ranh: một mặt giáp đất ông Sỡ, một mặt giáp đất ông Sâm, một mặt giáp quốc lộ 14, một mặt giáp đường liên thôn. Trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4. Đất đã có GCNQSDĐ do UBND huyện B cấp ngày 01/8/2014, thửa đất số 42, tờ bản đồ số 54. Hiện nay chị với anh P tự thỏa thuận, nếu sau này chị và anh P không tự thỏa thuận được về chia tài sản thì chị sẽ khởi kiện lại sau. Xét thấy, việc chị rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung với anh P là tự nguyện nên cần chấp nhận, cần đình chỉ đối với yêu cầu về chia tài sản của chị H. Đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án đối với yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

[6]Về nợ: Không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ngân hàng N không có yêu cầu độc lập gì nên không xem xét.

[8] Tại phiên tòa quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, **217**, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H. Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tri P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 29/5/2002 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản: Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của Trần Thị H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của chị và anh P đối với diện tích đất đất 300,5m² tại thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Đất có tứ ranh: một mặt giáp đất ông Sỹ, một mặt giáp đất ông Sâm, một mặt giáp quốc lộ 14, một mặt giáp đường liên thôn. Trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4. Đất đã có GCNQSDĐ do UBND huyện Bù Đăng cấp ngày 01/8/2014, thửa đất số 42, tờ bản đồ số 54.

Đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án đối với yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

5. Về nợ: Không yêu cầu nên không xem xét.

6. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Trần Thị H phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 10.300.000đ theo Biên lai số 0009443 ngày 30/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho chị H số tiền 10.000.000đ.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bình phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- Dương sự;
- Lưu HS.

Trần Thị Thu Hà